TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 849/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 -08-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đoàn Thị Thúy Hà *– Kiểm sát viên*.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2023/TLST- HNGĐ ngày 17/03/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 691/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 823/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L – sinh năm 1982 (có mặt)
Thường trú: đường B, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo N – sinh năm 1977 (vắng mặt)
Thường trú: đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bảo N tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 1/2005 ngày 14/12/2005. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình cha mẹ bà L tại địa chỉ đường B, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng được khoảng 01 năm thì ông N bỏ nhà đi không rõ tung tích. Bà có đến nhà ba mẹ chồng tìm ông N nhưng gia đình chồng đã bán nhà đi khỏi địa phương nên bà không liên lạc được. Ngày 21/02/2022 bà làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N mất tích. Ông N có nơi cư trú cuối cùng tại nhà đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết và tuyên bố ông N mất tích theo Quyết định số 498/2022/QĐST-DS ngày 27/12/2022.

Về quan hệ con chung: Bà L khai không có

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Bảo N nhưng ông N vẫn vắng mặt. Ông N không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông N cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Bảo N. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà L, ông N chung sống với nhau được khoản thời gian ngắn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên ông N chuyển đi nơi khác sinh sống. Hiện tại bà L thừa nhận vợ chồng không sống chung nhà nên thiếu sự quan tâm, chia sẽ và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông N không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà L khai không có

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do ông N có địa chỉ nơi cư trú cuối

cùng tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Bảo N nhưng ông N vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông Nguyễn Bảo N không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà Huỳnh Thị L để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 1/2005 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2005 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Bảo N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà L nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà L và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Thời gian vợ chồng bà L, ông N chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Bà L, ông N không sống chung nhà nên vợ chồng không trao đổi, quan tâm, chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông N không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông N chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Bà L, ông N không còn quan tâm, chia sẽ gì với nhau nên hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông N có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà L chịu nhưng được trừ vào số tiền bà L đã tạm nộp án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Bảo N. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 1/2005 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2005, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà L khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Huỳnh Thị L chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0013707 ngày 17/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THA DS Q.T ;
-UBND xã Trung An, H. C, TP Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương